TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **253**/2023/HS-ST
Ngày: 19-10-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Nam Tiến

Thẩm phán: Bà Lê Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thế Huệ

Ông Nguyễn Trọng Thúy

Bà Phạm Thị Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Hồng Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 215/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 268/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Hữu Q**, sinh ngày 01/9/1997 tại: thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường B, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu S1 và bà Cao Thị Đ; chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 09/7/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 18 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2020 (đã được xóa án tích); bị tạm giữ ngày 16/9/2022, tạm giam ngày 19/9/2022; có mặt.

2. **Phạm Văn C**, sinh ngày 02/01/1996 tại: huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn C, xã L, huyện Hà T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L và bà Trần Thị H1; có vợ là Trần Thị T và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 11/9/2022, tạm giam ngày 20/9/2022; có mặt.

3. **Trịnh Công S**, sinh ngày 27/7/1997 tại: huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Xuân T1 (đã chết) và bà Trần Thị T2; có vợ (đã ly hôn) và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 11/9/2022, tạm giam ngày 20/9/2022; có mặt.

4. **Bùi Mạnh H**, sinh ngày 28/8/1980 tại: huyện H1, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn N, xã K, huyện H1, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Mạnh U và bà Nguyễn Thị L1 (đã chết); chưa có vợ, con; tiền án: ngày 27/4/1999 bị TAND huyện Q, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 16 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản công dân" (chưa chấp hành nghĩa vụ án phí); ngày 06/8/2002, bị TAND huyện V, tỉnh Hưng Yên xử phạt 24 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" (chưa chấp hành nghĩa vụ án phí); ngày 24/12/2002, bị TAND thành phố Hà Nội xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp giật tài sản". Tổng hợp hình phạt với bản án của TAND huyện V, tỉnh Hưng Yên buộc Bùi Mạnh H phải chấp hành 05 năm tù (chưa chấp hành nghĩa vụ dân sự); ngày 25/01/2008 bị TAND thành phố T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 04 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" (chưa chấp hành nghĩa vụ án phí); ngày 04/12/2008 bị TAND huyện H1, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp hình phạt với bản án của TAND thành phố T buộc Bùi Mạnh H phải chấp hành hình phạt chung là 07 năm tù (chưa chấp hành nghĩa vụ án phí); ngày 09/11/2015 bị TAND thị xã B, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 07 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Ngày 06/12/2021 chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 12/9/2022, tạm giam ngày 21/9/2022; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo*:

1. Luật sư Mai Văn B - Văn phòng Luật sư B, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hóa, bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu Q; có mặt.

2. Luật sư Lê Đăng G - Văn phòng Luật sư M, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hóa, bào chữa cho bị cáo Phạm Văn C; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Luật sư Nguyễn Gia T3 - Văn phòng Luật sư B, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hóa, bào chữa cho bị cáo Trịnh Công S; có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác*:

+ Người làm chứng:

1. Anh Thiều Tiến T4, sinh năm 1991; nơi cư trú: thôn Đ, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Đình T5, sinh năm 1994; nơi cư trú: phố M, phường Q, TP T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1990; nơi cư trú: thôn X, xã B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

4. Ông Lê Văn T6, sinh năm 1966; nơi cư trú: thôn N, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

5. Anh Lê Bảo Q1, sinh năm 1995; nơi cư trú: thôn N, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 11/9/2022, tổ công tác Công an huyện H kiểm tra cư trú tại gia đình bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1971 ở thôn Đ, xã T, huyện H thì phát hiện Phạm Văn C và Trịnh Công S (con bà T2) đang ở trong phòng ở của nhà bà T2. Thấy tổ công tác, S cầm ném 01 túi nilon màu xanh và 01 túi nilon màu trắng qua cửa sổ ra ngoài. Tổ công tác đã thu giữ 02 túi nilon trên, kiểm tra bên trong túi nilon màu xanh đựng các viên nén hình trụ tròn màu hồng và 02 viên nén hình trụ tròn màu xanh; bên trong túi nilon màu trắng đựng 02 cục chất màu trắng ngà. Tiến hành kiểm tra phòng ngủ của S phát hiện: trong túi áo khoác màu đen ở tủ quần áo có 05 (năm) túi nilon màu tím than, kích thước khoảng (7x9)cm chứa các viên nén màu hồng, xanh; ở dưới đệm đầu giường ngủ có 02 túi nilon màu tím than, kích thước khoảng (7x9)cm chứa các viên nén màu hồng, xanh; ở dưới đệm cuối giường ngủ có 01 túi nilon màu trắng, bên trong chứa chất màu trắng dạng cục. Phạm Văn C và Trịnh Công S khai nhận đây là số ma túy của C và Nguyễn Hữu Q nhờ S cất giấu mục đích để sử dụng và bán kiếm lời. Ngoài ra, C còn khai nhận mua ma túy Heroine của Bùi Mạnh H. Tổ công tác Công an huyện H đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ: toàn bộ số tang vật các bị can khai nhận là ma túy; 01 điện thoại di động OPPO A155 gắn sim số 0367.546.xxx và 01 điện thoại di động NOKIA, màu đen của Trịnh Công S; 01 điện thoại di động IPHONE 6 màu vàng đồng, gắn sim số 0705.280.xxx của Phạm Văn C.

Cơ quan điều tra tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Hữu Q, thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11, màu xanh, gắn sim số 0862.396.xxx và 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XSMax, màu vàng đồng, gắn sim số 0973.004.xxx.

Căn cứ vào lời khai của Phạm Văn C, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét giữ người trong trường hợp khẩn cấp, đối với Bùi Mạnh H. Thu trong túi quần H đang mặc 01(một) gói nilon đựng chất bột màu trắng và 01 điện thoại di động IPHONE 11 lắp thẻ sim số 0365.717.xxx; 01 điện thoại di động NOKIA màu xám gắn sim số 0365.717.xxx; số tiền 590.000 đồng. Khám xét nơi ở của H thu giữ trong thùng rác 01(một) vỏ bao thuốc lá Thăng Long bên trong đựng 02(hai) gói,

trong mỗi gói đều là chất màu trắng; thu ở bìa màu đỏ để trên bàn trong phòng ngủ của H các cục nhỏ màu trắng, 01 cân tiểu ly, 01 dao lam đã qua sử dụng, mảnh túi nilon màu đen và mảnh giấy màu trắng; thu trong tủ quần áo, tại phòng ngủ của H một túi nilon màu trắng có viền đỏ bên trong đựng chất cục bột màu trắng.

Tại Bản kết luận giám định số 3159/KL-KTHS ngày 19/9/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận:

* Đối với số ma túy thu giữ khi bắt quả tang Phạm Văn C và Trịnh Công S:

- Các viên nén hình trụ tròn màu hồng và màu xanh có tổng khối lượng 142,518 gam là ma túy loại Methamphetamine.

- Chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn có tổng khối lượng 4,65 gam là ma túy loại Heroine.

* Đối với số ma túy thu giữ của Bùi Mạnh H:

- Chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn có tổng khối lượng 6,397 gam là ma túy loại Heroine.

Quá trình điều tra, các bị can khai nhận như sau:

Do có quen biết từ trước với Thiều Tiến T4, sinh năm 1991 ở thôn Đ, xã L, huyện H nên Nguyễn Hữu Q gọi điện cho T4 nói "ngoài H có chỗ làm không anh, S làm rát quá không làm được" (ý của Q muốn hỏi T4, ngoài H có chỗ để bán ma túy không, vì ở S lực lượng Công an đang làm cao điểm nên Q không bán ma túy được). T4 nói với Q "cứ ra đây đi rồi tao giới thiệu cho thằng em, hai đứa làm thì bàn bạc với nhau, có gì thì nói lại cho tao". Khoảng cuối tháng 7/2022, Q một mình đi ra nhà T4, ở xã L, huyện H. Khi đến nhà T4 thì Q gặp Phạm Văn C cũng đang ở đây. Sau đó, T4, Q, C đi xuống xưởng than nhà T4, thuộc xã L, huyện H. Khi đến xưởng than, Q, C và T4 gặp Nguyễn Văn K, sinh năm 1990 ở thôn X, xã B, huyện H là công nhân làm thuê cho T4, đang có mặt tại xưởng. Tại đây được sự đồng ý của K, nên Q và C đã thống nhất đến nhà K ở nhờ một vài hôm.

Khi ở nhà K được khoảng ba, bốn ngày, trong lúc K không có mặt ở nhà, C, Q, T4 ngồi uống nước nói chuyện với nhau. Q nói "Làm ăn dạo này khó khăn cần phải có vốn". T4 nói lại với Q "Tiền anh không có nhiều nhưng có thể cho mày vay vài chục triệu thì được". Sau đó T4 có việc nên đi về trước còn Q và C ở lại bàn bạc về việc mua ma túy bán lại kiếm lời. Q nói biết chỗ bán ma túy với giá rẻ nên chịu trách nhiệm về việc mua ma túy, C chịu trách nhiệm việc bán ma túy khi có người hỏi mua. Lợi nhuận từ việc mua bán ma túy sẽ được chia nhau. Khoảng ba, bốn ngày sau Q một mình gặp T4 tại chợ cóc gần nhà T4. Tại đây T4 đưa cho Q vay 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) tiền mặt. Sau khi nhận được tiền từ T4 cho vay, Q đã liên hệ với một người bán ma túy mà Q quen qua mạng khoảng ba tháng trước (Q không biết tên tuổi địa chỉ) hỏi mua 30 (ba mươi) túi ma túy hồng phiến, mỗi túi 200 viên. Người bán ma túy đồng ý và báo giá

50.000.000 đồng đã bao gồm công vận chuyển, đồng thời người này yêu cầu Q chuyển tiền trước qua tài khoản, nhận được tiền người này sẽ gửi ma túy bằng xe khách về tỉnh Thanh Hóa cho Q. Q đồng ý, sau đó Q đi chuyển tiền mua ma túy vào tài khoản của người này ở một ngân hàng thuộc địa phận thành phố T, nhưng không nhớ rõ tên ngân hàng. Sau khi chuyển tiền xong, Q đã xóa số tài khoản của người nhận. Khoảng 02 ngày sau, thì nhà xe gọi điện cho Q nhận hàng. Q biết đây là ma túy mà Q đặt mua. Lúc này Q đang ở cùng với C nên Q chở C bằng xe mô tô đến khu vực Quốc lộ 1A, gần cầu C thuộc xã Y, huyện H để nhận ma túy. Sau khi nhận 01 thùng catton được dán kín, C và Q đem về nhà K, lúc này chỉ có Q và C ở nhà, Q dùng chìa khóa xe mở thùng catton ra thì thấy bên trên đựng các loại hoa quả như bưởi, mít, bơ, thanh long; dưới đáy thùng có 01 gói nilon màu vàng. Q dùng dao rạch túi nilon màu vàng ra bên trong gồm 03 (ba) túi nilon. Trong mỗi túi nilon có 10 (mười) túi nilon màu xanh tím than. Bên trong mỗi túi màu xanh tím than đều đựng ma túy hồng phiến (khoảng 200 viên mỗi túi). Sau khi kiểm tra xong, Q bọc toàn bộ số ma túy vào hai túi nilon rồi đem cất giấu ở bụi chuối sau nhà K mục đích để sử dụng và bán kiếm lời. Khi có khách hỏi mua ma túy Q và C sẽ hẹn khách tại các địa điểm khác nhau, cách xa khu vực nhà K, rồi C và Q đem ma túy đến giao và nhận tiền, hoặc yêu cầu khách chuyển tiền trước vào tài khoản của Q, sau đó đến địa điểm do Q hẹn để lấy ma túy.

Quá trình ở tại nhà K một thời gian thì C nói với Q đem ma túy cất giấu ở chỗ khác tránh bị lộ. Q đồng ý, rồi cùng với C lấy ma túy ở bụi chuối sau nhà K, mang đi cất giấu ở ngôi nhà bỏ hoang sau công ty V thuộc xã B, huyện H. Trong khoảng thời gian này Q và C, đã bán cho Nguyễn Đình T5, sinh năm 1994 ở phố M, phường Q, thành phố T 03(ba) lần, cụ thể: lần đầu khoảng ngày 25/8/2022, T5 gọi điện cho C hỏi mua ma túy hồng phiến. C đồng ý bán và hẹn T5 đến cổng công ty V để giao dịch mua bán. T5 thuê xe taxi đến điểm hẹn thấy C đã đứng đợi sẵn. T5 đưa cho C 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*), C cầm tiền rồi đưa cho T5 một túi hồng phiến, do không kiểm đếm nên T5 không biết số lượng là bao nhiêu; lần thứ hai là vào khoảng ngày 01/9/2022, khi sử dụng hết ma túy mua trước đó T5 lại gọi điện cho C hỏi mua ma túy. C đồng ý bán và hẹn T5 đến cổng công ty V. Tại đây T5 đưa cho C 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) và mua được khoảng 100 viên ma túy hồng phiến; lần thứ ba khoảng 08 giờ 30 phút ngày 11/9/2022 T5 gọi cho C để mua ma túy thì C hướng dẫn T5 đến chùa Đ thuộc thôn Đ, xã T, huyện H. Tại đây, T5 đã mua của C khoảng 100 viên hồng phiến giá 2.000.000đ. Ngoài ra C và Q còn bán ma túy cho nhiều người khác nhưng không nhớ cụ thể là những ai, trong số đó có một người tên thường gọi là "Cu Đ" (nhà ở thành phố T, nhưng không biết địa chỉ cụ thể), đã mua của Q và C khoảng hai đến ba lần, mỗi lần từ 2-3 "đàn" hồng phiến.

Khoảng 10 ngày sau khi cất giấu ma túy ở ngôi nhà bỏ hoang sau công ty V thuộc xã B, huyện H, Q bảo C tìm chỗ ở khác, để cất giấu ma túy tránh bị lộ, nên

C gọi điện cho Trịnh Công S là bạn C, hỏi S có nhà không để đến chơi. S nói đang ở nhà thì C, Q lấy số ma túy còn lại đang cất giấu ở nhà hoang đem đến nhà S. Khi gặp S, C giới thiệu Q là bạn của C và xin S cho ở nhờ do Công an đang tìm bắt đi cai nghiện thì được S đồng ý. Tại đây, Q cất giấu ma túy ở trong túi quần, túi áo và cất vào tủ quần áo trong phòng ngủ của S, mục đích khi nào có khách mua thì Q và C sẽ lấy ra bán.

Đến tối ngày 09/9/2022, Q gọi điện cho C nhưng S nghe máy. Q nhờ S gấp cho mấy bộ quần áo và nói với S, trong túi áo của Q có túi nilon màu vàng đựng ma túy hồng phiến. Q nhờ S lấy cho Q một túi ma túy đưa cho C để C đem đến cho Q cùng với quần áo. Đồng thời Q dặn S cất số ma túy còn lại vào tủ. Sau đó S lấy 03 túi ma túy hồng phiến cất giấu dưới đệm ở đầu giường, số còn lại S bỏ vào túi áo khoác, rồi để vào tủ quần áo. Khoảng 22h ngày 09/9/2022, khi C đang ngủ thì Lê Bảo Q1, sinh năm 1995 ở xã T, huyện H đến nhà S chơi. S giới thiệu cho Q1 biết C có ma túy hồng phiến, nếu Q1 mua S sẽ bảo C bán cho Q1. Q1 đồng ý mua một túi hồng phiến, S báo giá khoảng 7-8 triệu đồng, cụ thể bao nhiêu khi C ngủ dậy S sẽ báo cho Q1. Sau đó S đã lấy 01 túi ma túy hồng phiến để bán cho Q1, Q1 đưa trước cho S 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) còn thiếu bao nhiêu khi có giá cụ thể Q1 sẽ trả sau. Sáng ngày 10/9/2022 khi C ngủ dậy S báo lại cho C biết việc bán cho Q1 một túi hồng phiến và hỏi C giá bao nhiêu thì C trả lời 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*), rồi S đưa số tiền 1.500.000 đồng cho C nói là tiền bán ma túy cho Q1, số tiền còn thiếu Sơn có trách nhiệm lấy cho C.

Ngoài việc thống nhất cùng Q mua ma túy để thu lợi bất chính, thì Phạm Văn C còn mua riêng ma túy Heroine của Bùi Mạnh H 02 lần mục đích để sử dụng và bán nếu khi có người hỏi mua, cụ thể: lần đầu khoảng ngày 07/9/2022, C gọi điện cho H hỏi mua ma túy. H đồng ý bán và hẹn C đến đầu cầu, gần nhà H để giao dịch mua bán. H đã bán cho C một gói Heroine với giá 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*); lần thứ hai là vào khoảng ngày 09/9/2022, C mua được của H 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*) ma túy Heroine (số tiền C mua ma túy là tiền công bán ma túy mà Q trả cho C). Việc C mua ma túy của H thì Q không biết và chỉ có S biết C mua ma túy Heroine về để cùng sử dụng và nếu có khách hỏi mua thì bán. Đến khoảng 09 giờ 30 phút ngày 11/9/2022, khi C và S đang ở trong phòng nhà S chia nhỏ các gói ma túy Heroin và hồng phiến ra để bán và sử dụng thì Tổ công tác Công an huyện Hà T đến kiểm tra phát hiện thu giữ.

Đối với Bùi Mạnh H, do bản thân nghiện ma túy, nên H đã đến bến xe khách phía Tây, thành phố T gặp một người tên T7 để mua 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*) ma túy Heroine. Sau khi mua được ma túy, H đem về nhà cất giấu, mục đích để bán và sử dụng cho bản thân. H khai đã bán ma túy cho Phạm Văn C hai lần và bán lẻ ma túy cho một số đối tượng nghiện nhưng không nhớ tên, địa chỉ và thời gian bán.

Tại bản cáo trạng số 82/CT-VKS-P1 ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Nguyễn Hữu Q về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự (BLHS); Phạm Văn C, Trịnh Công S về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 BLHS; Bùi Mạnh H về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b, q khoản 2 Điều 251 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên quan điểm kết tội đối với các bị cáo theo tội danh, điều khoản đã nêu trong cáo trạng, không thay đổi, bổ sung gì thêm đối với nội dung vụ án. Sau khi phân tích, đánh giá toàn diện vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Q 20 (hai mươi) năm tù; áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo Phạm Văn C 20 (hai mươi) năm tù; áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo Trịnh Công S 20 (hai mươi) năm tù; áp dụng điểm b, q khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo Bùi Mạnh H từ 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng đến 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 251 BLHS, xử phạt các bị cáo Nguyễn Hữu Q, Phạm Văn C, Bùi Mạnh H mỗi bị cáo từ 05 đến 10 triệu đồng.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) tuyên tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy đã thu giữ trong vụ án còn lại sau giám định, các vật chứng không có giá trị sử dụng; tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước những điện thoại di động của các bị cáo là phương tiện dùng vào việc phạm tội và số tiền 590.000 đồng thu giữ của bị cáo H; trả lại cho các bị cáo những điện thoại di động không liên quan đến hành vi phạm tội.

Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Hữu Q, Trịnh Công S có mặt tại phiên tòa, riêng người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn C vắng mặt nhưng đã gửi quan điểm bào chữa cho bị cáo. Những người bào chữa cơ bản thống nhất quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt, điều luật áp dụng, đề nghị HĐXX xem xét các bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo Q có ông, bà ngoại là người có công với cách mạng, đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án để áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS xét xử bị cáo Q dưới mức thấp nhất của khung hình phạt; bị cáo C, bị cáo S có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, bị cáo C có điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ không có việc làm ổn định, hai con con nhỏ; bị cáo S thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức không đáng kể, để xử phạt các bị cáo này hình phạt tù có thời hạn là đủ sức răn đe, giáo dục.

Các bị cáo Nguyễn Hữu Q, Phạm Văn C, Trịnh Công S, Bùi Mạnh H thừa nhận và khai báo toàn bộ hành vi Mua bán trái phép chất ma túy của mình trong vụ án đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, không có ý kiến gì đối với các văn bản tố tụng hình sự, bị cáo Nguyễn Hữu Q, Phạm Văn C, Trịnh Công S thống nhất quan điểm bào chữa của người bào chữa, các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, chỉ đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tội danh: Lời khai báo của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai người làm chứng và các văn bản tố tụng hình sự khác, như: biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; lệnh khám xét khẩn cấp; biên bản khám xét; biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp; lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp; kết luận giám định… cũng như các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập theo trình tự luật định, phản ánh đúng sự thật khách quan của vụ án.

Như vậy đã có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 11/9/2022, tại thôn C, xã L, huyện H, Cơ quan CSĐT Công an huyện H đã phát hiện và bắt giữ Phạm Văn C, Trịnh Công S, thu giữ số ma túy gồm 142,518g loại Methamphetamine và 4,65g loại Heroine khi C và S đang chia nhỏ ma túy mục đích để sử dụng và bán kiếm lời.

Quá trình điều tra xác định, Nguyễn Hữu Q là người trực tiếp liên hệ mua ma túy đem về cho C và chỉ đạo cùng bán ma túy để kiếm lời. Do đó, Q phải chịu trách nhiệm hình sự về số ma túy thu giữ là 142,518g Methamphetamine. Đối với Phạm Văn C, từ đầu đã bán ma túy cùng với Q như đã nêu trên, ngoài ra C còn tự đi mua ma túy Heroine về để sử dụng và bán lại khi có khách hỏi mua. C phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ số ma túy thu giữ gồm 142,518g loại Methamphetamine và 4,65g loại Heroine (tổng khối lượng là 147,168g tương đương với Methamphetamine hoặc Heroine). Đối với Trịnh Công S đã giúp cho Nguyễn Hữu Q, Phạm Văn C cất giấu số ma túy 142,518g loại Methamphetamine và 4,65g loại Heroine mục đích để sử dụng và bán. Trong đó, S đã giúp C bán ma túy 01 lần vào ngày 09/9/2022 nên có vai trò đồng phạm và phải chịu trách nhiệm hình sự về số ma túy khi bị thu giữ là 142,518g loại Methamphetamine và 4,65g loại Heroine. Đối với Bùi Mạnh H có vai trò độc lập sau cùng do đã có hành vi tàng trữ 6,397g ma túy loại Heroin mục đích để sử dụng và bán kiếm lời. H còn có hành vi bán ma túy 02 lần cho Phạm Văn C. H phải chịu trách nhiệm về số ma túy thu giữ của H và số ma túy Heroine đã bán cho Phạm Văn C, tổng khối lượng ma túy là 11,047g Heroine.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Hữu Q đã phạm vào tội: "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 BLHS; Phạm Văn C, Trịnh Công S đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 BLHS; Bùi Mạnh H đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b, q khoản 2 Điều 251 BLHS.

Quan điểm buộc tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đối với các bị cáo Nguyễn Hữu Q, Phạm Văn C, Trịnh Công S, Bùi Mạnh H theo tội danh và khung hình phạt như bản cáo trạng là hoàn toàn thỏa đáng, đảm bảo căn cứ pháp luật.

[2] Về hình phạt: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu Q, Phạm Văn C, Trịnh Công S là đặc biệt nghiêm trọng; Bùi Mạnh H là rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Đây là chất gây nghiện có tác hại rất lớn, ảnh hưởng xấu tới sức khỏe con người, là một trong những nguyên nhân chính gây ra các loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an, an toàn xã hội ở địa phương, gây tâm lý hoang mang, bất bình cho quần chúng nhân dân.

Xét nhân thân: Bị cáo Nguyễn Hữu Q là người có nhân thân xấu, từng bị Tòa án xét xử về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; bị cáo Bùi Mạnh H có nhiều tiền án, lần xét xử này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Bị cáo Phạm Văn C, Trịnh Công S có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS): Các bị cáo Nguyễn Hữu Q, Phạm Văn C phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS là phạm tội hai lần trở lên. Các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS là thành khẩn khai báo, bị cáo Nguyễn Hữu Q, Bùi Mạnh H được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS là ông, bà ngoại bị cáo Q, bố, mẹ bị cáo H là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân, Huy chương, Giấy khen.

Đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, xem xét yếu tố nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS đối với các bị cáo, HĐXX thấy cần phải xử phạt thật nghiêm khắc đối với tất cả các bị cáo, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành những người công dân tốt cho xã hội, đồng thời mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung trong cộng đồng. Trong đó, bị cáo Nguyễn Hữu Q là người trực tiếp liên hệ mua ma túy đem về cho C và chỉ đạo cùng bán ma túy để kiếm lời, giữ vai trò chính trong vụ án, nhưng chịu trách nhiệm về số lượng ma túy ít hơn bị cáo C, bị cáo S. Bị cáo Phạm Văn C giữ vị trí thứ hai trong vụ án, ngoài việc bán ma túy loại Methamphetamine

cùng với Q, còn tự đi mua ma túy loại Heroine về để sử dụng và bán. Bị cáo Trịnh Công S với vai trò đồng phạm là người giúp sức nhưng là người giúp sức tích cực cho bị cáo Q và bị cáo C cất giấu số ma túy tại nhà mình và trực tiếp bán ma túy cho đối tượng khác. Do đó, ba bị cáo Q, C, S phải chịu mức án ngang nhau. Bị cáo Bùi Mạnh H có vai trò độc lập sau cùng do đã có hành vi tàng trữ 6,397gam ma túy loại Heroin mục đích để sử dụng và bán kiếm lời, H còn có hành vi bán ma túy 02 lần cho Phạm Văn C và bán cho một số đối tượng khác, nên bị cáo H phải chịu mức án tương xứng với hành vi phạm tội của mình theo khung hình phạt được áp dụng. Tuy nhiên, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo Q, bị cáo H có người thân là người có công với cách mạng nên cũng cần xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Sau khi xem xét, cân nhắc, HĐXX thấy cần phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Hữu Q, Phạm Văn C, Bùi Mạnh H theo quy định tại khoản 5 Điều 251 BLHS. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trịnh Công S do bị cáo chưa được hưởng lợi trong việc mua bán ma túy.

[3] Về vật chứng: Đối với toàn bộ số ma túy đã thu giữ trong vụ án còn lại sau giám định là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành và các vật chứng không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Đối với những điện thoại di động thu giữ của các bị cáo là phương tiện dùng vào việc phạm tội và số tiền 590.000 đồng thu giữ của bị cáo H do phạm tội mà có cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Đối với những điện thoại di động thu giữ của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho các bị cáo là phù hợp.

[4] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong các giai đoạn tố tụng đã thực hiện và ban hành đều hợp pháp, tuân thủ các nguyên tắc tố tụng cũng như đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm được giao theo quy định của BLTTHS.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 4 Điều 251, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Hữu Q;

Căn cứ vào điểm h khoản 4 Điều 251, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 BLHS đối với bị cáo Phạm Văn C;

Căn cứ vào điểm h khoản 4 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 BLHS đối với bị cáo Trịnh Công S;

Căn cứ vào điểm b, q khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS đối với bị cáo Bùi Mạnh H:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Hữu Q, Phạm Văn C, Trịnh Công S, Bùi Mạnh H phạm tội: "Mua bán trái phép chất ma túy".

Xử phạt: + Bị cáo Nguyễn Hữu Q **20** (hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 16/9/2022.

+ Bị cáo Phạm Văn C **20** (hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 11/9/2022.

+ Bị cáo Trịnh Công S **20** (hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 11/9/2022.

+ Bị cáo Bùi Mạnh H **10** (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 12/9/2022.

Về hình phạt bổ sung: Xử phạt các bị cáo Nguyễn Hữu Q, Phạm Văn C mỗi bị cáo 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*), bị cáo Bùi Mạnh H 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

* Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) phong bì được dán kín niêm phong, mặt trước ghi: "Phạm Văn C, Trịnh Công S". Mặt sau có các chữ ký, chữ viết ghi rõ họ tên của Lê Minh T8, Nguyễn Văn M và các hình dấu tròn đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Thanh Hóa. (Phong bì do Phòng KTHS Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành). (Kèm KLGĐ số 3146/KL-KTHS ngày 16/9/2022);

- 01 (một) phong bì được dán kín niêm phong, mặt trước ghi: "Bùi Mạnh H". Mặt sau có các chữ ký, chữ viết ghi rõ họ tên của Nguyễn Trần Đ1, Lê Minh T8, Nguyễn Văn M và các hình dấu tròn đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Thanh Hóa. (Phong bì do Phòng KTHS Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành). (Kèm KLGĐ số 3139/KL-KTHS ngày 19/9/2022);

- 01 (một) phong bì được dán kín niêm phong ký hiệu M5, mặt sau có các chữ ký chữ viết ghi rõ họ tên của Trịnh Văn D, Nguyễn Văn H2, Trịnh Công S, Phạm Văn C, Nguyễn Văn S2, Đỗ Văn V và các hình dấu tròn đỏ của Công an xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (bên trong là 03 vỏ túi nilon);

- 01 (một) phong bì được dán kín niêm phong ký hiệu M3, mặt sau có các chữ ký chữ viết ghi rõ họ tên của Nguyễn Văn H3, Vũ Văn L2, Nguyễn Văn H2, Bùi Mạnh U, Nguyễn Quang C, Bùi Mạnh H và các hình dấu tròn đỏ của Công an

xã K, huyện H1, tỉnh Thanh Hóa (bên trong là 01 cân tiểu ly điện tử; 01 con dao lam; 01 mảnh nilon màu đen; 02 tờ giấy kẻ ngang), thu của Bùi Mạnh H.

* Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, số IMEI: 3548780827xxxxx, máy cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng máy bên trong; thu của Trịnh Công S.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng đồng, số IMEI: 3554030770xxxxx, máy cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng máy bên trong; thu của Phạm Văn C.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max, màu vàng đồng, mặt trước và sau của điện thoại bị rạn vỡ, máy cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng máy bên trong; thu của Nguyễn Hữu Q.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xám, số IMEI: 3569331112xxxxx, máy cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng máy bên trong và số tiền 590.000đ (*Năm trăm chín mươi nghìn đồng*); thu của Bùi Mạnh H.

* Trả lại tài sản:

- Trả lại cho bị cáo Trịnh Công S 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu xanh tím than, máy cảm ứng, máy cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng máy bên trong.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu Q 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xanh, máy cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng máy bên trong.

- Trả lại cho bị cáo Bùi Mạnh H 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen, máy cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng máy bên trong.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 215/2023/TV-CTHADS ngày 18/9/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC04) Công an tỉnh Thanh Hóa với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án: các bị cáo Nguyễn Hữu Q, Phạm Văn C, Trịnh Công S, Bùi Mạnh H mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331 và 333 BLTTHS: các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Thanh Hóa;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Tổ HC-TP; Tòa HS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Mai Nam Tiến